

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT
DANH MỤC CÁC BẢNG.....
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN CƠ SỞ.....	1
1. Tên chủ cơ sở	1
2. Tên cơ sở.....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:.....	1
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:	1
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	2
3.3. Sản phẩm cơ sở	3
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	3
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	4
5.1. Quy mô xây dựng.....	4
5.2. Quy hoạch các hạng mục	5
5.3. Nguyên tắc xây dựng công trình	5
5.4. Yêu cầu kỹ thuật khi xây dựng	5
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	7
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	7
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	7
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	8
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	8
1.1. Thu gom, thoát nước mưa:.....	8
1.2. Thu gom, thoát nước thải:.....	8
1.3. Xử lý nước thải.....	9
2. Công trình, biện pháp xử lý khí thải, mùi hôi	10
2.1. Các nguồn tác động gây nên khí thải, mùi hôi.....	10
2.2. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do mùi hôi từ quá trình chăn nuôi	11
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	14
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:	14
3.2. Chất thải rắn chăn nuôi	14

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	15
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	15
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	16
7. Các nội dung thay đổi so với Kế hoạch bảo vệ môi trường đã cấp của Cơ sở	19
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	20
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	20
2. Nội dung cấp phép đối với khí thải	21
3. Nội dung cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	21
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	22
1. Kết quả quan trắc môi trường không khí.....	22
2. Kết quả quan trắc môi trường nước mặt.....	23
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	24
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	24
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	24
2.1. Quan trắc định kỳ:.....	24
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	24
3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo đề xuất của chủ cơ sở	24
4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	24
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	25
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	26
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	27

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

TT	Ký hiệu	Diễn giải
1	BTNMT	Bộ tài nguyên Môi trường
2	BVMT	Bảo vệ môi trường
3	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
4	CTNH	Chất thải nguy hại
5	CTR	Chất thải rắn
6	KT-XH	Kinh tế - xã hội
7	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
8	QĐ	Quyết định
9	UBND	Ủy ban nhân dân
10	WHO	Tổ chức Y tế thế giới

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Danh mục các thiết bị chính	3
Bảng 1.2. Quy mô xây dựng các hạng mục công trình.....	4
Bảng 3.1. Danh mục các loại CTNH của Trang trại	15
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm	21
Bảng 5.1. Mô tả vị trí lấy mẫu không khí và tiếng ồn.....	22
Bảng 5.2. Kết quả đo đạc, phân tích môi trường không khí và tiếng ồn.....	22
Bảng 5.3. Mô tả vị trí lấy mẫu nước mặt.....	23
Bảng 5.4. Kết quả phân tích chất lượng môi trường nước mặt	23

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Ngọc Châu Phương

- Địa chỉ: 14/6 Hoàng Hữu Chấp, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
- Người đại diện theo pháp luật của cơ sở: Nguyễn Văn Đạt
- Điện thoại: 0367.589.694

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 3200591651 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 28/02/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 01/7/2022.

2. Tên cơ sở: Trang trại chăn nuôi gia cầm (gà thịt) bằng đệm sinh học

Trang trại chăn nuôi gia cầm (gà thịt) bằng đệm sinh học được xây dựng tại thửa đất số 605, tờ bản đồ số 09, với diện tích 13.581 m² tại thôn Long Hưng-xã Hải Phú – huyện Hải Lăng – tỉnh Quảng Trị với vị trí tiếp giáp như sau:

- + Phía Bắc giáp mương thoát nước;
- + Phía Nam giáp đường giao thông;
- + Phía Tây giáp thửa đất số 116;
- + Phía Đông giáp thửa đất số 576.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:

+ Giấy xác nhận số 1790/GXN-UBND ngày 20/12/2021 của UBND huyện Hải Lăng xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án: Trang trại chăn nuôi gia cầm (vịt thịt) bằng đệm sinh học.

+ Công văn số 1458/UBND-TH ngày 04/11/2022 của UBND huyện Hải Lăng về việc thay đổi loại hình dự án liên quan đến hồ sơ môi trường.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở thuộc lĩnh vực sản xuất nông nghiệp có tổng mức đầu tư 3.058.000.000 đồng (Ba tỷ, không trăm năm mươi tám triệu đồng triệu đồng) có tiêu chí thuộc dự án nhóm C (khoản 1 Điều 10 Luật Đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương mục số 2, phụ lục IV ban hành kèm Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, thuộc đối tượng phải lập GPMT theo quy định tại khoản 2 điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

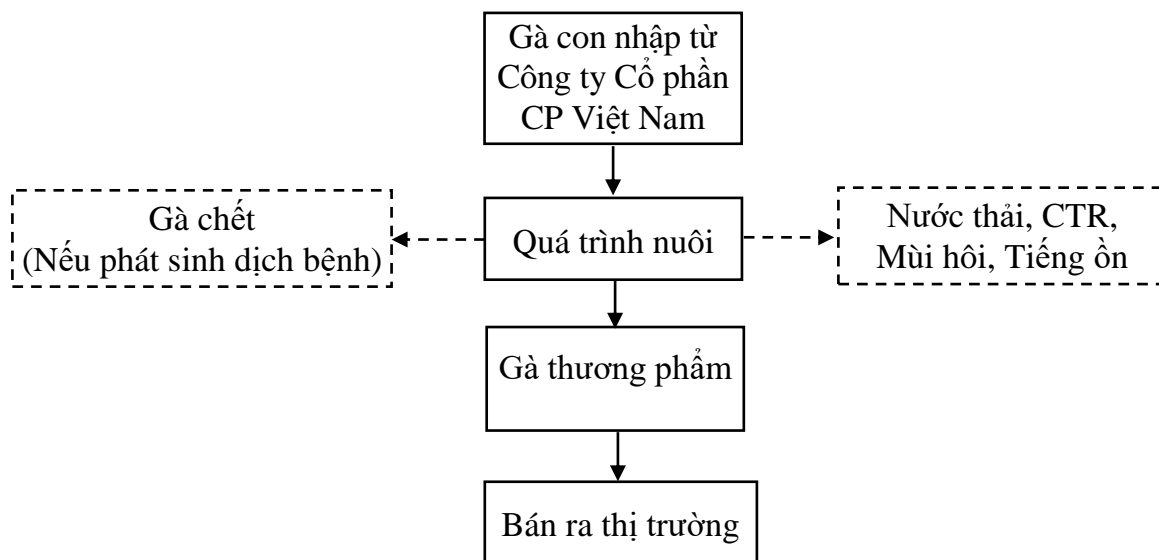
Loại hình sản xuất của dự án là chăn nuôi gia cầm (gà thịt) và nuôi cá (cá rô phi, cá trê)

+ Chăn nuôi gà: 18.000 con/lứa (105 ngày)

+ Nuôi cá: 2.500 con/lứa (12 tháng)

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

** Quy trình chăn nuôi gà thịt của cơ sở như sau :*

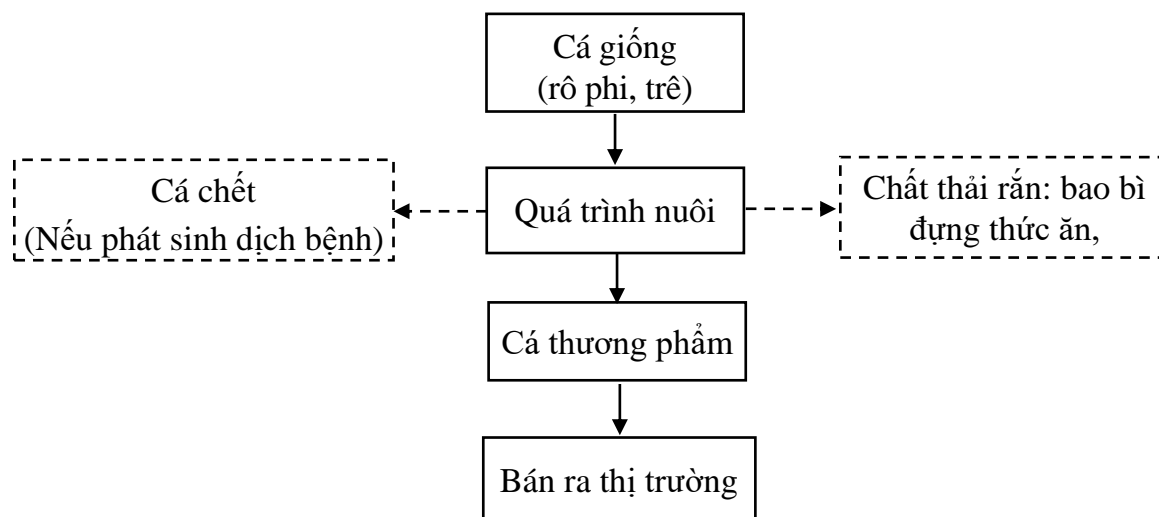


** Mô tả quy trình chăn nuôi gà thịt như sau:*

Gà con chọn lọc MD2.BĐ do Công ty Cổ phần CP Việt Nam cung cấp khi nhập về sẽ được kiểm tra nhằm đảm bảo không bị bệnh sau đó được đưa vào quây úm tại chuồng nuôi từ 10-14 ngày với nhiệt độ úm thích hợp. Gà sẽ được nuôi khoảng 105 ngày khi trọng lượng đạt tiêu chuẩn thì tiến hành xuất chuồng.

Gà được nuôi nhốt trong nhà có mái che và kết hợp chăn thả trong khuôn viên của trang trại. Chuồng nuôi được lót bằng đệm sinh học đạt tiêu chuẩn không mùi và thực hiện thanh trùng, khử khuẩn, vệ sinh tổng quát chuồng trại tối thiểu 01 lần/chu kỳ nuôi (105 ngày). Đồng thời, trong quá trình nuôi gà sẽ thường xuyên được tiêm phòng để hạn chế dịch bệnh.

** Quy trình nuôi cá:*



** Thuyết minh quy trình nuôi cá:*

Cá giống là cá rô phi, cá trê con được mua tại các đơn vị cấp giống trên địa bàn trong và ngoài tỉnh, mật độ khi thả 2,5 con/m². Cá được nuôi khoảng 12 tháng thì thu hoạch. Sau 1 vụ nuôi hồ phải được xử lý đảm bảo để tiến hành nuôi vụ tiếp theo.

3.3. Sản phẩm cơ sở

Sản phẩm của dự án là gà thương phẩm với số lượng 18.000 con/lứa (105 ngày), cá rô phi, cá trê: 2.500 con/lứa (12 tháng)

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

** Nhu cầu về máy móc thiết bị:*

Danh mục các thiết bị chính như sau:

Bảng 1.1. Danh mục các thiết bị chính

TT	Tên thiết bị	ĐTV	Số lượng	Xuất xứ
1	Máng ăn tự động	Hệ thống	01	Việt Nam
2	Hệ thống lạnh	Hệ thống	01	Việt Nam
3	Hệ thống ăn tự động	Hệ thống	01	Việt Nam
4	Thiết bị, dụng cụ chăn nuôi	Hệ thống	01	Việt Nam

** Nhu cầu về con giống:*

- Đối với gà: Gà con do Công ty Cổ phần CP Việt Nam cung cấp
- Đối với cá: Cá được nuôi chủ yếu tại gia trại là cá rô phi, cá trê với mật độ khi thả 2,5 con/m². Khi mua cá giống phải có giấy kiểm dịch của đơn vị nơi cấp giống.

** Nhu cầu thức ăn:*

- Thức ăn cho gà bao gồm cám ngô, cám gạo, cơm nguội, ốc, cá con, tôm, tép...
- Thức ăn cho cá: Chủ yếu là cỏ, lá chuối, bột ...

** Nhu cầu thuốc thú y, vắc-xin cho gia cầm:*

Chủng loại thuốc thú y, vắc-xin, hóa chất khử trùng sử dụng tuân theo các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực Thú y (Thông tư số 28/2013/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2013 của Bộ NN & PTNT ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam; Danh mục vắc - xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam).

- Các vắc-xin sử dụng chủ yếu gồm: Newcastle chủng F, chủng Laxota, Laxota chịu nhiệt; Đậu gà; Gumboro; Tụ huyết trùng gia cầm, Vitamin E, C, dịch tả (Salmonella). Ngoài ra, Gia trại có sử dụng một số loại vắc - xin khác như thuốc chủng ngừa F.M.D, Giả dại (Aujeszky), Dâu son, ...

- Các hóa chất khử trùng, tiêu độc chuồng trại và các loại thuốc thú y chủ yếu gồm: vôi bột, NaOH 3-5%, Formol 3-5%, Lavecide, Benkocid, Chloramin...

- Thuốc tẩy ký sinh trùng: Ivermectin, Doramectin.

- Thuốc kháng sinh: Oxytetracyclin, Tetracyclin, Ampicyclin, ...

+ Chế phẩm sinh học xử lý chất thải: EM,...

- *Nguồn cung cấp hóa chất, thuốc thú y:* Do Tập đoàn Cổ phần Greenfeed Việt Nam cung cấp.

- *Vị trí lưu giữ:* Các loại hóa chất, thuốc thú y sử dụng được Chủ dự án bố trí vào kho chứa nhằm dễ quản lý, bảo quản và sử dụng.

* *Nhu cầu sử dụng nhiên liệu:*

- Quá trình thi công và vận hành sử dụng điện lưới 3 pha được đấu nối tại đường điện liên thôn có sẵn để hoạt động;

- Khi mất điện sẽ sử dụng máy phát điện dự phòng;

* *Nhu cầu sử dụng nước*

+ Nước sinh hoạt của CBCNV: Tắm giặt, vệ sinh thông thường: sử dụng 01 giếng khoan đã có sẵn: Lượng nước sử dụng: 2 người x 80 lít/người/ngày = 0,16 m³/ngày.

+ Nước cho gà uống: Nhu cầu dùng nước của gà phụ thuộc vào độ tuổi, lượng thức ăn gà tiêu thụ và nhiệt độ môi trường,... với gà thịt tiêu thụ nước cứ tăng 1°C thì lượng nước cần cung cấp thêm 2% nước. Đối với gà thịt, định mức cấp nước uống cho gà là 100mL/ngày/con. Như vậy, lượng nước sử dụng cho gà uống của cơ sở là: 18.000 con x 100mL/con/ngày = 1,80 m³/ngày (*số tay hướng dẫn quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi gà an toàn trong nông hộ - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*).

+ Nước cung cấp cho hồ cá: Khu vực dự án khá thấp, khi đào hồ âm so với mặt đất 2 m và bờ đê cao 1 m thì có thể giữ mực nước ổn định trong hồ. Vì vậy, không cần cung cấp nước cho hoạt động nuôi cá.

+ Nước vệ sinh chuồng trại: Chuồng nuôi được lót bằng đệm sinh học đạt tiêu chuẩn cho nên không phát sinh nước thải trong quá trình nuôi gà.

Như vậy, tổng lượng nước sử dụng cho trang trại khoảng 2 m³/ngày đêm.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Quy mô xây dựng

Cơ sở có quy mô diện tích: 13.581 m² trong đó bố trí các hạng mục sau:

Bảng 1.2. Quy mô xây dựng các hạng mục công trình

TT	Hạng mục công trình	ĐVT	Số lượng
1	Hệ thống chuồng nuôi	m ²	3.600
2	Kho cám	m ²	180

TT	Hạng mục công trình	ĐVT	Số lượng
3	Khu nhà ở	m ²	150
4	Khu nhà sát trùng	m ²	15
5	Đường nội bộ	m ²	1.000
6	Kho chứa chất thải	m ²	50
7	Đường đi vào trại	m ²	100
8	Ao nuôi cá		1.500
9	Đất trồng cây lâu năm, cây hoa màu ngắn ngày và đất trống	m ²	6.951
10	Tổng cộng	m²	13.581

5.2. Quy hoạch các hạng mục

Toàn bộ khu vực cơ sở có diện tích 13.581 m². Mặt bằng tổng thể của khu trang trại được chia thành các hạng mục sau:

- + Xây dựng hệ thống đường nội bộ liên hoàn cho toàn bộ khu vực nằm trong quy hoạch của cơ sở.
- + Xây dựng hệ thống công trình chuồng trại, nhà điều hành, khu bảo vệ, trạm điện, trạm xử lý chất thải phục vụ chăn nuôi.
- + Xây dựng công trình ao hồ sinh thái, trồng cỏ phục vụ chăn nuôi, trồng cây xanh tạo cảnh quan, tăng hiệu quả kinh tế và đặc biệt là bảo vệ môi trường cho toàn bộ khu vực.
- + Xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch, thoát nước và xử lý chất thải để đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường trong khu vực và vùng phụ cận.
- + Xây dựng hệ thống phòng chống cháy, đảm bảo an toàn cho dự án.
- + Lập ranh giới bằng rào chắn phân định khu vực cơ sở.

5.3. Nguyên tắc xây dựng công trình

Các hạng mục công trình sẽ được bố trí theo những nguyên tắc sau:

- + Bố trí thuận tiện cho việc phối hợp hoạt động giữa các bộ phận trong khu vực dự án.
- + Tiết kiệm đất xây dựng nhưng vẫn đảm bảo sự thông thoáng của các khu trại chăn nuôi.
- + Tuân thủ các quy định về quy hoạch, kiến trúc, xây dựng của địa phương và Nhà Nước ban hành.
- + Tạo dáng vẻ kiến trúc phù hợp với cảnh quan của khu chăn nuôi tập trung.

5.4. Yêu cầu kỹ thuật khi xây dựng

- Đối với gà: Yêu cầu chuồng trại phải xây dựng nơi khô ráo và ấm khi gà còn nhỏ trong 3 -4 tuần lễ đầu, thoáng mát khi gà lớn. Tránh gió lùa và mưa tạt, tránh ánh sáng nóng buổi chiều chiếu thẳng vào chuồng. Tốt nhất hướng chuồng

về phía Đông hoặc Đông – Nam. Ngoài hướng chuồng, cần chú ý đến nhiệt độ úm, nhiệt độ chuồng và chất độn chuồng.

- Đối với cá: Xây dựng mới hệ thống hồ nuôi trên nền đất cát pha thịt, đào âm so với mặt đất 2 m, đê đắp cao 1 m kể từ mặt đất tự nhiên, trên mặt đê có xấp chắn cao 1 m. Quanh đê trồng cây cỏ để giữ cát bay và để tận dụng làm thức ăn cho cá. Độ sâu mực nước ao nuôi: Từ 1,5 m – 2 m trở lên.

- Đảm bảo các quy định về an toàn trong hoạt động kinh doanh, lao động và phòng cháy chữa cháy...

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- Về quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia: Phù hợp với Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Về quy hoạch tỉnh:

+ Cơ sở phù hợp với công văn số 1458/UBND-TH ngày 04/11/2022 của UBND huyện Hải Lăng về việc thay đổi loại hình dự án liên quan đến hồ sơ môi trường;

+ Cơ sở phù hợp với quy định khoảng cách an toàn môi trường theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. Dự án đảm bảo khoảng cách đến cộng đồng dân cư ($\geq 400\text{m}$); Trường học, bệnh viện, chợ ($\geq 500\text{m}$) và khoảng cách đến các Trang trại chăn nuôi khác ($\geq 50\text{m}$) theo Thông tư 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi và Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Hiện tại, UBND tỉnh chưa ban hành khả năng chịu tải của môi trường của khu vực nên chưa có cơ sở để đánh giá khả năng phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Nước mưa chảy tràn không phải là nước thải, do vậy Chủ cơ sở không tiến hành xử lý mà chỉ bố trí các rãnh thoát nước mưa bằng đất dọc các khu chuồng nuôi. Ngoài ra, Trong quá trình hoạt động Chủ cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

- Khu vực sân bãi thường xuyên được dọn vệ sinh sạch sẽ, không để vương vãi rác thải trong quá trình hoạt động.

- Rác và bùn cát đất lắng được nạo vét thường xuyên.

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của CBCNV như: rửa tay chân, vệ sinh,... thành phần gây ô nhiễm chủ yếu chứa các chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ (BOD, COD, N, P) và các vi sinh vật.

Đối với nước thải sinh hoạt của 2 CBCNV có khối lượng khoảng 0,16 m³/ngày lượng nước thải này tuy không nhiều nhưng do chứa các vi sinh vật có khả năng trở thành nơi phát triển, lây lan các vi sinh vật gây bệnh cho người và động vật hoặc gây ảnh hưởng đến nguồn nước mặt xung quanh khu vực trại nuôi, thấm qua đất gây ô nhiễm nước dưới đất. Do đó, để thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại trại Chủ cơ sở đã xây dựng nhà vệ sinh có bể tự hoại 3 ngăn với thể tích 2 m³ nên hoàn toàn đáp ứng được khả năng xử lý nước thải sinh hoạt.

1.2.2. Thu gom xử lý nước thải chăn nuôi:

- Đặc thù của chăn nuôi gà là kỵ nước nên trong quá trình hoạt động Chủ cơ sở sẽ không dùng nước để vệ sinh chuồng trại hàng ngày. Do đó không làm phát sinh nước thải thường xuyên trong quá trình chăn nuôi.

Về thành phần: nước thải từ khâu vệ sinh chuồng trại của Cơ sở sẽ có hàm lượng các chất như TSS, chất hữu cơ, Coliform có chứa trong phân gà, một phần nhỏ thức ăn của gà bị lẫn trong phân và rơi vãi trong quá trình thu gom phân.

- Nước khử trùng phương tiện ra vào trại: 0,1 m³/ngày. Lượng nước này được thu gom theo hệ thống mương thu gom và đưa về bể khử trùng để làm lắng bùn đất, sau đó tuần hoàn tái sử dụng. Tuy nhiên, để đảm bảo quá trình khử trùng các phương tiện ra vào trại hiệu quả, định kỳ 1 tuần/lần chủ dự án sẽ thay thế nước tại khu vực nhà khử trùng.

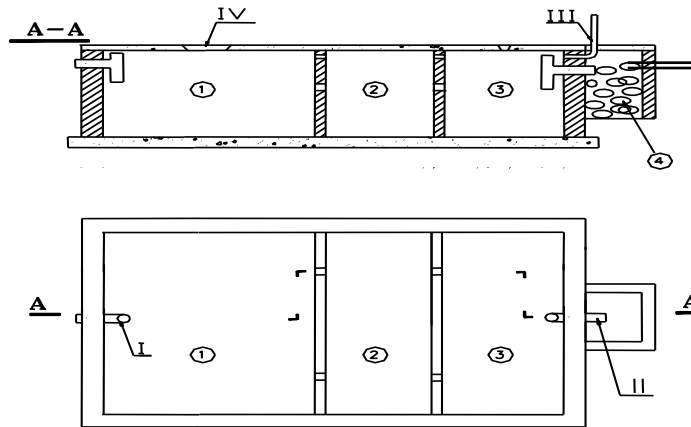
- Nước làm mát chuồng trại: khoảng 0,5 m³/ngày và được tuần hoàn tái sử dụng nên không phát sinh ra môi trường.

1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Nước thải sinh hoạt

Chức năng của bể tự hoại là lắng và phân huỷ cặn lắng nên cấu tạo của bể tự hoại gồm: Ngăn lắng, ngăn lọc và ngăn lắng.

Mô hình một bể tự hoại như sau:



Ghi chú :

- I- Ống nước vào
- II- Ống nước ra
- III- Ống thoát khí
- IV- Nắp vệ sinh
- 1. Ngăn chứa
- 2. Ngăn lên men
- 3. Ngăn lắng cặn
- 4. Ngăn lọc theo ống dẫn ra môi trường.

Tính toán kích thước của bể tự hoại:

Dung tích bể tự hoại được xác định theo công thức: $W = W_n + W_c$

- Trong đó:

+ W_n : Thể tích phần nước của bể (m^3);

+ W_c : Thể tích phần phân huỷ cặn của bể (m^3);

+ Trị số W_n có thể lấy bằng 1÷3 lần lưu lượng nước thải trong một ngày đêm tùy thuộc yêu cầu vệ sinh. Ở đây chọn: $W_n = 2Q_n = 2 \times 0,16 = 0,32 m^3$.

+ Trị số W_c được xác định theo công thức sau:

$$W_c = [a \times T \times (100 - W_1) \times b \times c] \times N / [(100 - W_2) \times 1000] (m^3).$$

- Trong đó:

+ a: Lượng cặn của một người thải ra một ngày (0,5÷0,8 L/người.ngày)

+ T: Thời gian giữa 2 lần lấy cặn, chọn: T= 365 ngày

+ W_1, W_2 : độ ẩm của cặn tươi và cặn khi lên men, (%). Chọn: $W_1=95\%$, $W_2=90\%$.

+ b: Hệ số giảm thể tích cặn khi lên men (giảm 30%) và lấy bằng 0,7.

+ c: Hệ số kể đến việc để lại một phần cặn đã lên men khi hút cặn (20%) và lấy bằng 1,2.

+ N: Số người mà bể phục vụ (2).

$$\Rightarrow W_c = [0,8 \times 365 \times (100 - 95) \times 0,7 \times 1,2 \times 2] / [(100 - 90) \times 1.000] \approx 0,244 m^3.$$

Như vậy, tổng thể tích bể tự hoại cần xây dựng là:

$$0,32 m^3 + 0,244 m^3 = 0,564 m^3$$

Chủ cơ sở đã xây dựng nhà vệ sinh có bể tự hoại 3 ngăn với thể tích 2 m³ nên hoàn toàn đáp ứng được khả năng xử lý nước thải sinh hoạt.

Nguyên lý hoạt động: Nước thải từ ngăn chứa 1 được dẫn qua ngăn thứ 2, tại đây quá trình phân hủy kỵ khí xảy ra sẽ phân hủy các chất hữu cơ có trong nước thải. Sau đó, nước thải được dẫn qua bể lắng cặn, tại ngăn này không có quá trình xáo trộn nên các chất rắn hữu cơ sẽ lắng xuống phần không thể lắng sẽ được lọc trước khi thấm qua bể lọc cát và thải ra môi trường tiếp nhận.

Vị trí nhà vệ sinh tự hoại được Chủ cơ sở bố trí tại khu vực phía Tây trang trại, ở khu vực nhà nghỉ của CBCNV.

1.3.2. Nước thải chăn nuôi

Theo quy trình chăn nuôi gà tại trang trại kéo dài 105 ngày/đợt nuôi, sau khi kết thúc mỗi đợt nuôi sẽ tiến hành thu gom phân cùng đệm lót sinh học đóng gói vào bao chứa thức ăn loại thải, sau đó mới tiến hành vệ sinh chuồng trại bằng nước. Do đó, nước thải chỉ phát sinh theo định kỳ 105 ngày/lần, quá trình vệ sinh lúc này sẽ sử dụng vòi nước phun áp lực để vệ sinh máng ăn, núm uống và nền chuồng nuôi. Hiện tại, lượng nước sử dụng thực tế để vệ sinh chuồng trại khoảng 1,8 m³/lần. Lượng nước thải bằng khoảng 80% lượng nước cấp (1,44 m³/lần vệ sinh)

Biện pháp xử lý: Với khối lượng nước thải phát sinh trong quá trình vệ sinh chuồng trại khoảng 1,44 m³ (105 ngày), Chủ cơ sở đã xây dựng rãnh thu gom nước thải vào bể chứa để lắng bùn, cặn có diện tích (2x2x1,6) sau đó nước thải được qua hồ sinh học (2x2x1,6)m. Nước thải sau xử lý được tận dụng để tưới cây trong khuôn viên của Trang trại.

2. Công trình, biện pháp xử lý khí thải, mùi hôi

2.1. Các nguồn tác động gây nên khí thải, mùi hôi

Quá trình vận chuyển nguyên liệu và chở sản phẩm đi tiêu thụ, phương tiện giao thông ra sẽ phát sinh các loại khí thải như bụi, SO_x, CO, NO, THC... gây ảnh hưởng tác động tiêu cực tới môi trường.

Tải lượng ô nhiễm do khí thải giao thông phụ thuộc vào vận tốc, số lượng xe lưu thông, chất lượng nhiên liệu sử dụng, tình trạng kỹ thuật của phương tiện giao thông và chất lượng đường giao thông.

Tuy nhiên, các khí thải phát sinh với tải lượng nhỏ, không thường xuyên cũng như khu vực trại nuôi có không gian thoáng đãng, khí thải dễ bị pha loãng vào không khí nên tác động của khí thải trong giai đoạn này là không đáng kể. Hỗn hợp của nhiều khí, hơi được tạo ra từ quá trình phân hủy các chất hữu cơ có trong phân, nước tiểu, thức ăn thừa như: H₂S, CH₃SH (mecaptan), NH₃,... Cường độ mùi phụ thuộc vào mức lưu trữ và xử lý chất thải, các điều kiện bên ngoài như nhiệt độ, độ ẩm, vận tốc cùng hướng gió theo các thời điểm trong ngày, mật độ nuôi nhốt cũng như khẩu phần thức ăn,... Do đó, thành phần khí tạo ra sẽ khác nhau, mùi tương ứng cũng khác nhau.

Tại trại chăn nuôi gà, mùi hôi phát sinh chủ yếu từ cám thực phẩm và từ phân gà do chứa hàm lượng chất hữu cơ cao. Thức ăn sử dụng cho gà là loại thực phẩm khô tổng hợp được phối trộn giữa nhiều loại nguyên liệu khác nhau. Loại thức ăn này chứa đầy đủ các dưỡng chất cần thiết cho sự tăng trưởng của gà qua từng giai đoạn. Trong giai đoạn đầu khi gà được 1 - 10 ngày tuổi thì nhu cầu dinh dưỡng và đạm trong thức ăn là cao nhất. Sau đó là giai đoạn tạo xương cho gà thì những thực phẩm như: bột đá (dạng hạt)... sẽ được bổ sung vào thức ăn. Từ đó, sẽ phát sinh các mùi đặc trưng.

Tải lượng, nồng độ các khí có mùi phụ thuộc vào số lượng và hình thức hoạt động của các vi sinh vật (kỵ khí, thiếu khí, hiếu khí), thời gian tiếp xúc với không khí, ... Các vi sinh vật này chịu ảnh hưởng bởi độ ẩm, nhiệt độ, pH, nồng độ oxy và các thông số môi trường khác. Hàm lượng khí NH₃, H₂S trong khu vực trại nuôi gà thường phụ thuộc vào quy mô và công nghệ chăn nuôi. Hầu hết các mô hình chăn nuôi gà thường có nồng độ các khí gây mùi khá cao, vượt quy chuẩn cho phép (QCVN 06:2009/BTNMT).

Công nghệ chăn nuôi của cơ sở có sử dụng lớp đệm lót sinh học và phụ chế phẩm sinh học; chuồng nuôi được lắp đặt hệ thống quạt làm mát và lọc bụi, thiết kế khoảng cách giữa các dãy chuồng nuôi hợp lý, tạo sự thông thoáng không gian nuôi,... nên mùi hôi và khí phát sinh từ khu vực chuồng trại có thể kiểm soát. Ngoài ra, hệ thống cây xanh xung quanh trại là tương đối nhiều nên sẽ hạn chế được khả năng phát tán mùi hôi từ trại đến các khu dân cư .

* *Mùi hôi từ quá trình ủ phân gà:* Mùi hôi là một trong những nguồn ô nhiễm đặc trưng đối với hoạt động xử lý phân gà từ quá trình nạp liệu, ủ lên men... gây ra mùi hôi cho không khí khu vực sản xuất. Thành phần khí bay hơi chủ yếu là: H₂S, NH₃.

* *Ô nhiễm do mùi hôi phát sinh từ hoạt động vận chuyển xuất bán gà:*

Đối với Cơ sở, hoạt động vận chuyển gia cầm chỉ thực hiện khi nhập chuồng (gà 1 ngày tuổi) và khi xuất chuồng (gà được 105 ngày tuổi). Hoạt động vận chuyển nhập và xuất gà sẽ do Công ty Cổ phần CP Việt Nam thực hiện. Việc vận chuyển gà được thực hiện bởi các ô tô tải thùng chuyên dùng để vận chuyển gia cầm.

Các phương tiện này hoạt động ngoài việc thải ra môi trường các chất ô nhiễm như NO₂, SO₂, CO, bụi, sẽ phát sinh thêm tác động đáng quan tâm là mùi hôi từ phân và nước tiểu của gà. Như đã phân tích ở phần trên, mùi hôi phát sinh là do các khí gây nên như: H₂S, CH₃SH (mecaptan), NH₃,... khả năng ảnh hưởng của tác động này là khá lớn, phạm vi tác động dọc các tuyến đường vận chuyển và đoạn vào khu vực trại.

2.2. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do mùi hôi từ quá trình chăn nuôi

- Quá trình hoạt động của Cơ sở phát sinh mùi hôi từ phân, nước tiểu và các sản phẩm phân huỷ chất thải như H₂S, NH₃, ... Để giảm thiểu tác động tiêu cực của mùi hôi, Trại đã thiết kế mương dẫn đảm bảo độ dốc để đưa nước thải về thùng chứa, không để nước ứ đọng dọc theo mương dẫn nhằm hạn chế sự

phát triển của ruồi muỗi và hạn chế khả năng phân hủy phát sinh mùi.

- Trong quá nuôi, để giảm thiểu mùi hôi do phân gà Chủ cơ sở sử dụng vỏ trấu làm đệm lót tại các chuồng nuôi gà với bề dày từ 8-10cm, định kỳ 2-3 ngày tiến hành đảo lớp đệm lót và phun chế phẩm sinh học. Trong quá trình cào trên bề mặt đệm lót không được cào sâu xuống sát nền chuồng (tiến hành cào đảo nhẹ lớp mặt đệm lót sâu 1 - 3 cm) và luôn giữ cho nền đệm lót khô để phân hủy phân tốt. Đồng thời, trong quá trình nuôi thường xuyên phun chế phẩm sinh học để hạn chế mùi hôi.

- Sau khi gà xuất chuồng tiến hành vệ sinh tổng thể trên toàn bộ khu vực chuồng nuôi. Phân và vỏ trấu sẽ được công nhân thu dọn, ủ phân và đóng bao bán cho các cơ sở thu mua. Trong quá trình vận chuyển phân sẽ sử dụng vôi và chế phẩm sinh học EM để hạn chế mùi hôi.

- Thiết kế chuồng nuôi thông thoáng, phân ra nhiều dãy và trong mỗi chuồng nuôi đều có lắp đặt hệ thống quạt hút, tấm lọc bụi bản kết hợp với làm mát được bố trí ở khu vực phía Đông của trại nuôi nhằm tạo không khí thoáng mát cho chuồng nuôi.

- Thực hiện vệ sinh chuồng trại thường xuyên, không để nước thải và phân ứ đọng dọc theo mương dẫn nhằm hạn chế sự phát triển của ruồi bọ và hạn chế khả năng phân hủy phát sinh mùi.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho các công nhân trực tiếp lao động.

- Bên cạnh đó, Chủ cơ sở sử dụng chế phẩm EM để khử mùi hôi trong chuồng trại, phun chế phẩm xung quanh để giảm thiểu sự phát triển của ruồi bọ, cải thiện sức khỏe và giảm stress cho vật nuôi, góp phần tăng năng suất, chất lượng thịt gia cầm. Có nhiều cách sử dụng chế phẩm EM trong chăn nuôi hiện nay như cho vào thức ăn, nước uống của vật nuôi; phun xịt xung quanh chuồng trại. Liều dùng khi trộn vào thức ăn khoảng 3 - 5ml EM/1 kg thức ăn hoặc pha trực tiếp vào nước là 1 - 3ml EM/1 lít nước, dùng mỗi ngày. Nếu sử dụng để khử mùi hôi thì dùng 20 - 30ml EM hòa vào 8 lít nước phun trực tiếp vào chuồng trại, tần suất 1 tuần/lần.

- Đối với mùi hôi phát sinh từ kho chứa thức ăn được hạn chế bằng cách không lưu thức ăn quá lâu và thiết kế nhà kho đảm bảo thông thoáng, giảm khả năng phát sinh mùi tập trung, cục bộ. Kho thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, thức ăn của gà được sắp xếp gọn gàng, duy trì điều kiện bảo quản tốt để hạn chế khả năng phát sinh mùi do thức ăn rơi vãi, bị ẩm mốc,...

** Giảm thiểu mùi hôi từ quá trình ủ phân gà*

Sau khi gà xuất chuồng phân và vỏ trấu tại các chuồng nuôi sẽ được công nhân cào phân thu gom đưa về khu vực ủ phân để xử lý. Trong quá trình ủ phân sẽ bổ sung thêm vôi, lân, chế phẩm sinh học EM để đẩy nhanh quá trình ủ, đồng thời hạn chế phát sinh mùi hôi. Trong đó, quá trình ủ phân như sau:

- Bổ sung Super lân 2%; phân vi sinh 2-3%, chế phẩm EM thứ cấp (tỷ lệ 1-1,5 lít dung dịch nồng độ 1-5% tưới cho 1-2 tạ phân chuồng).

- Trộn đều phân và các chất bổ sung với nhau, chất thành đồng có độ cao 1,5-2m, đường kính tùy số lượng phân đem ủ.

- Nén chặt, trát một lớp bùn nhão kín toàn bộ đồng phân, sau đó phủ bạt HDPE che mưa cho đồng phân và hạn chế mùi hôi phát sinh.

- Sau quá trình ủ từ 1-2 tháng (đối với ủ nóng) hoặc 5-6 tháng (đối với ủ nguội) thì đồng phân chuồng hoàn toàn hoại mục, phân toi xốp nhẹ hơn trước từ 20-30%, không có mùi hôi và đem bón cho cây trồng rất tốt.

Phương pháp ủ phân có thể xử lý được một lượng phân lớn trong chăn nuôi công nghiệp. Trong khi ủ phân, các vi sinh vật sẽ tiến hành phân hủy các chất cellulose, glucose, protein, lipit có trong thành phần của phân chuồng. Trong khi ủ có hai quá trình xảy ra đó là quá trình phá vỡ các hợp chất không chứa N và quá trình khoáng hóa các hợp chất có chứa N. Chính do sự phân hủy này mà thành phần phân chuồng thay đổi, có nhiều loại khí như H₂, CH₄, CO₂, NH₃,... và hơi nước thoát ra làm cho đồng phân ngày càng giảm khối lượng

Phân sau khi ủ được Chủ cơ sở sử dụng làm phân bón cho cây trồng tại trại và bán cho các đơn vị có nhu cầu thu mua trên địa bàn.

** Giảm thiểu mùi hôi từ hoạt động vận chuyển gà*

Đối với cơ sở, Công ty chỉ thực hiện chăn nuôi tại trại, các hoạt động vận chuyển và xuất bán gà ra thị trường do Công ty thực hiện.

Các biện pháp giảm thiểu mùi hôi từ hoạt động vận chuyển bao gồm:

- Đối với các phương tiện vận chuyển gia súc, gia cầm phải được thiết kế, chế tạo chắc chắn, an toàn và phù hợp với việc vận chuyển động vật nhằm bảo vệ động vật trong suốt quá trình vận chuyển; có kết cấu thuận tiện cho việc bốc dỡ, kiểm tra, xử lý, vệ sinh, tiêu độc khử trùng, trước, trong và sau quá trình vận chuyển;

- Sàn xe vận chuyển được làm bằng vật liệu chắc chắn, chống thấm, chống sự ăn mòn của các chất thải, chất tẩy rửa; mặt sàn đảm bảo kín, bằng phẳng, không trơn trượt và thiết kế có khả năng thoát nước tốt;

- Chiều cao của thành khoang chứa đảm bảo gia súc, gia cầm không thoát ra ngoài trong quá trình vận chuyển.

- Khoang chứa động vật phải tách biệt với khoang chứa người điều khiển phương tiện.

Yêu cầu về việc che chắn trong quá trình vận chuyển:

+ Mui, bạt được sử dụng để hạn chế những ảnh hưởng bất lợi của thời tiết khắc nghiệt và các yếu tố ngoại cảnh đối với động vật.

+ Đối với phương tiện vận chuyển kín, hệ thống thông khí có thể điều chỉnh tùy theo điều kiện thời tiết bên ngoài.

- Đối với xe vận chuyển được che chắn 2 bên thùng để hạn chế đến mức thấp nhất mùi phát tán theo gió.

- Dưới các thùng chở gà sẽ được lắp đặt máng để hứng phân, nước tiểu hoặc rải các lớp đệm lót để ngấm nước tiểu (vỏ trấu), việc làm này đã hạn chế rất lớn việc phát sinh mùi hôi ra môi trường xung quanh.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:

Nguồn phát sinh chất thải rắn từ quá trình sinh hoạt của 2 cán bộ, công nhân của Trang trại. Lượng CTR phát sinh chủ yếu là thức ăn dư thừa, vỏ hoa quả, giấy vụn, túi nilon, chai, lọ... Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh thực tế tại Trang trại khoảng 1 kg/ngày. Hiện tại Trang trại đã thực hiện các biện pháp thu gom và xử lý như sau:

Rác thải sinh hoạt dưới 300 kg/ngày nên Chủ Cơ sở lựa chọn phương án quản lý chung như quy mô hộ gia đình, cá nhân (quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường) và được phân thành 03 loại như sau:

- + CTRSH có khả năng tái sử dụng, tái chế (vỏ hộp, chai lọ,...): được tận dụng tối đa và thu gom, bán phế liệu
- + Chất thải thực phẩm (thực phẩm dư thừa, rau,...);
- + Chất thải công kênh (các loại tủ kệ, bàn ghế hư hỏng,...);
- + CTRSH khác: là các CTRSH không thuộc các loại nêu trên.

Bố trí 01 thùng rác loại 60L để chứa rác (loại 02 ngăn để phân loại), đồng thời bố trí các sọt rác nhỏ ở các khu vực để thuận tiện trong thu gom. Định kỳ hợp đồng với Trung tâm Môi Trường - Đô thị Hải Lăng mang đi xử lý tại bãi chôn lấp của huyện.

Biện pháp này hiện đang được áp dụng có hiệu quả, do đó trong thời gian tới Trang trại sẽ tiếp tục áp dụng.

3.2. Chất thải rắn chăn nuôi

CTR trong hoạt động chăn nuôi bao gồm: phân gà, lớp đệm lót sinh học (vỏ trấu), bao bì đựng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thừa. Trong đó:

+ Phân gà: Là những thành phần từ thức ăn, nước uống mà cơ thể gia cầm không hấp thụ được và thải ra ngoài cơ thể. Lượng phân thải ra trong một ngày đêm tùy thuộc vào giống, loài, tuổi và khẩu phần ăn.

Do thành phần giàu chất hữu cơ của phân nên chúng rất dễ bị phân hủy thành các khí có mùi hôi như NH_3 , H_2S ,.. khi phát tán vào môi trường có thể gây ô nhiễm cho vật nuôi, cho con người và các sinh vật khác. Trong chất thải rắn của vật nuôi chứa nước 56-83%, chất hữu cơ 1-26%, nitơ 0,32-1,6%, P 0,25-1,4%, kali 0,15-0,95% và một số vi sinh vật gây bệnh.

Phân gà thải ra từ các trại chăn nuôi là dạng cơ chất rất giàu dinh dưỡng, hàm lượng đạm chiếm đến hơn 2%, độ ẩm phân gà khá cao, trung bình khoảng 70-80%. Do độ ẩm cao, phân gà rất dễ phát sinh mùi. Ngoài ra, trong phân còn chứa nhiều vi sinh vật gây bệnh, đặc biệt là nhóm vi khuẩn Salmonella (vi khuẩn

gây bệnh thương hàn) và E. coli gây bệnh đường ruột ở người nên cần phải ủ hoại trước khi sử dụng như phân bón trong canh tác nông nghiệp.

Do đó, để hạn chế các tác động do phát sinh mùi hôi từ quá trình phân hủy của phân gà và các vi sinh vật có trong phân Chủ Cơ sở đã thực hiện biện pháp thu gom phân và tiến hành ủ phân theo đúng quy trình trước khi sử dụng để bón cho cây trồng hoặc bán cho các cơ sở thu mua.

- Đối với bao bì đựng thức ăn: Thu gom, phân loại và tập kết tại kho thức ăn, sau đó trả lại cho đơn vị cung cấp là Công ty CP Việt Nam- chi nhánh Huế.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Do đặc trưng của ngành chăn nuôi có quy mô công nghiệp sử dụng các loại thuốc và vắc - xin nên sẽ phát sinh các loại CTNH như sau:

Bảng 3.1. Danh mục các loại CTNH của Trang trại

TT	Loại chất thải	Khối lượng
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	1 kg/tháng
2	Kim tiêm, bao bì thuốc thú y đã sử dụng	5 kg/đợt
3	Gà chết do dịch	Tùy theo khả năng phòng dịch

Biện pháp:

- Đối với CTNH được thu gom vào thùng đựng CTNH và chứa trong kho chứa CTNH diện tích 20 m². Bên ngoài thùng đựng có dán biển báo CTNH theo quy định.

- Đối với gà chết do dịch bệnh được thu gom, chôn tiêu hủy. Khu vực bố trí hố hủy xác có diện tích 100m², kích thước hố hủy xác tùy thuộc vào khối lượng gà cần tiêu hủy được cho xuống hố. Theo quy định tại QCVN 01 - 41: 2011/BNNPTNT, chiều rộng hố chôn không quá 03 m để dễ thao tác, chiều dài có thể 9 – 12 m, chiều sâu 1,2 – 1,5m. Hố được lót bạt PVC (một loại vải cơ sở polyester filament và nhựa dán PVC dán hai mặt).

- Đối với kim tiêm, bao bì thuốc thú y đã sử dụng: được công ty CP Việt Nam- chi nhánh Huế thu gom, xử lý theo quy định

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh tiếng ồn từ hoạt động chăn nuôi của trại gà bao gồm:

- Tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện ra vào của CBCNV và hoạt động nhập xuất bán gà, tuy nhiên tần suất này không nhiều.

- Tiếng ồn từ tiếng kêu của gà.

Đối với tiếng ồn của phương tiện giao thông sẽ được áp dụng các biện pháp quản lý nội vi như sau:

- Không sử dụng các phương tiện vận chuyển quá cũ, phải có giấy đăng kiểm của cơ quan quản lý.

- Không nổ máy trong quá trình bốc dỡ hàng hóa, sản phẩm.

Đối với tiếng ồn do gà kêu sẽ được áp dụng biện pháp sau: trại áp dụng công nghệ chăn nuôi theo hướng công nghiệp nên quá trình ăn, ngủ luôn đúng giờ làm vật nuôi không ở trong tình trạng đói nên chúng sẽ không kêu đòi ăn.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Đối với sự cố cháy nổ

Cháy nổ có thể xảy ra từ rất nhiều nguyên nhân, để phòng tránh sự cố cháy nổ, Chủ cơ sở sẽ tiến hành thực hiện một số biện pháp sau:

- Bố trí các vật liệu cứu hỏa, bao gồm bình CO₂, cát. Các phương tiện phòng chống cháy luôn được kiểm tra thường xuyên và luôn ở trong tình trạng sẵn sàng.

- Thiết kế hệ thống dẫn điện theo đúng quy định an toàn, thành lập tổ kiểm tra, bảo vệ hệ thống mạng lưới dẫn điện. Từ đó, sẽ giảm thiểu được sự cố cháy do chập điện, phóng điện xảy ra.

- Khi sự cố cháy nổ xảy ra, Chủ cơ sở sẽ thông báo kịp thời cho toàn bộ CBCNV trong trại biết, sử dụng các phương tiện chữa cháy đã được trang bị kịp thời dập tắt hoặc hạn chế đến mức thấp nhất đám cháy, liên lạc với phòng cảnh sát PCCC và y tế để ứng cứu tại chỗ và di dời công nhân ra khỏi vùng nguy hiểm.

b. Đối với sự cố mưa bão

Để phòng chống các thiệt hại do sự cố do mưa bão gây nên Chủ cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

- Thiết kế, xây dựng các hạng mục công trình kiên cố, chịu được sức gió mạnh.

- Trước khi có mưa bão xảy ra, Chủ cơ sở thông báo kịp thời và có những phương án ứng cứu các sự cố có thể xảy ra.

- Chuẩn bị lực lượng, cơ sở vật chất, thiết bị để phối hợp với các ban ngành liên quan khác ứng phó, khắc phục trước và sau mưa bão.

- Khi có sự cố mưa bão xảy ra, Chủ cơ sở sơ tán công nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm, sử dụng các trang thiết bị và nhân lực tại chỗ để khống chế các sự cố, đồng thời thông báo cho các ban ngành liên quan để kịp thời ứng cứu, xử lý sự cố xảy ra.

c. Đối với việc phát sinh và lây lan dịch bệnh trên gia cầm

Đối với tình hình dịch bệnh trên gia súc, gia cầm đã và đang diễn ra phức tạp như những năm gần đây thì vấn đề vệ sinh phòng dịch trong chăn nuôi ngày càng trở nên quan trọng. Thực hiện tốt công tác này vừa mang lại sự an toàn đối với sức khỏe cộng đồng vừa bảo vệ được lợi ích kinh tế của Chủ đầu tư.

Để giảm thiểu các tác động do dịch bệnh, Chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh tuân thủ theo QCVN 01-41:2011/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật; QCVN 01-79:2011/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm - quy trình kiểm tra, đánh giá điều kiện vệ sinh thú y và QCVN 01-99:2012/BNNPTNT về điều kiện vệ sinh thú y khu cách ly kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật, cụ thể:

** Các giải pháp phòng ngừa dịch bệnh:*

- Thực hiện các biện pháp phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh, giám sát và không chế dịch bệnh cho gà.
- Thực hiện việc kiểm dịch và kiểm tra vệ sinh thú y đối với gà.
- Xây dựng vùng cách ly, các chương trình không chế một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm của gà và bệnh từ gà lây sang người.
- Sử dụng thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y có trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam, Danh mục chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam.
- Thực hiện đúng hướng dẫn sử dụng hoặc chỉ dẫn của bác sĩ, kỹ thuật viên của cơ quan thú y, người được phép lưu hành nghề thú y.
- Chuồng trại được khử trùng tiêu độc, diệt mầm bệnh các loài động vật trung gian truyền bệnh theo chế độ định kỳ và sau mỗi đợt nuôi.
- Dụng cụ dùng trong chăn nuôi phải được vệ sinh trước khi đưa vào sử dụng.
- Con giống phải đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng giống vật nuôi theo quy định của pháp luật về giống vật nuôi, không mang mầm bệnh truyền nhiễm đã được kiểm dịch và áp dụng các biện pháp phòng bệnh bắt buộc.
- Thức ăn chăn nuôi phải bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh thú y, không gây hại cho động vật và người sử dụng sản phẩm động vật.
- Nước sử dụng cho chăn nuôi phải sạch, không gây bệnh cho gà.
- Gà đưa ra các chuồng nuôi phải khỏe mạnh, không mang mầm bệnh truyền nhiễm, ký sinh trùng gây bệnh nguy hiểm.
- Lối ra vào khu chăn nuôi phải được áp dụng các biện pháp vệ sinh, khử trùng cho người và phương tiện vận chuyển đi qua. Bố trí khu vực sát trùng tại cổng ra vào, có hệ thống vòi phun xịt thuốc sát trùng cho xe cộ ra vào.
- Nơi chứa thức ăn chăn nuôi phải cách biệt với nơi để các hóa chất độc hại.
- Thực hiện việc giám sát các tiêu chuẩn môi trường, theo dõi dấu hiệu dịch bệnh theo tần suất và phương pháp quy định nhằm phát hiện và xử lý kịp thời dịch bệnh ngay từ khi mới phát sinh.

- Gà nuôi phải được phòng bệnh, chữa bệnh kịp thời.
- Gà con khi nuôi được 20 ngày tuổi sẽ được tiêm phòng vacxin cúm gia cầm H5N2 lần 1 với liều lượng 1 liều/con, sau đó 65 ngày tiêm phòng lần 2.
- Tăng cường chế độ dinh dưỡng cho gia cầm nhằm tạo sức đề kháng cho cơ thể là mạnh nhất.
- Cập nhật thông tin khi ổ dịch đang lan rộng và tuân thủ mọi hướng dẫn của cơ quan có chức năng.
- Thực hiện chương trình khám sức khỏe định kỳ cho công nhân.
- Các dụng cụ và thiết bị cũng như những địa chỉ cần thiết liên hệ khi xảy ra sự cố cần được trang bị và cập nhật như: tủ thuốc, dụng cụ rửa mắt, địa chỉ bệnh viện, địa chỉ cứu hỏa, cơ quan thú y.
- Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động không ảnh hưởng đến sức khỏe người công nhân.
- Đối với phòng chống dịch cúm ở người: không ăn gia cầm bị bệnh chết. Khi phát hiện người có dấu hiệu cúm phải báo ngay với chính quyền địa phương và trạm y tế gần nhất để có biện pháp theo dõi, cách ly, chăm sóc, điều trị kịp thời, không để lây lan.

** Giải pháp ứng phó khi có dịch bệnh:*

Căn cứ theo mục 2, điều 25 của Luật Thú y số 79 năm 2015 quy định trách nhiệm của các bên khi xảy ra dịch bệnh trên vật nuôi như sau:

- Trách nhiệm của Chủ cơ sở:
 - + Trong trường hợp xảy ra dịch bệnh, cách ly ngay động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh và nhanh chóng báo ngay cho chính quyền và cơ quan thú y tại địa phương để có biện pháp xử lý theo quy định.
 - + Giám sát, phát hiện, báo cáo kịp thời gia cầm bị bệnh. Bảo đảm khi có dịch phải thống kê đầy đủ, khai báo đúng để Ban chỉ huy phòng chống dịch hại vật nuôi tại địa phương có các biện pháp xử lý theo quy định, không để dịch lây lan rộng và lây sang người.
 - + Giám sát dịch bệnh: lập kế hoạch tiêm phòng vắc xin, theo dõi tình hình dịch bệnh, lấy mẫu huyết thanh xét nghiệm... để có biện pháp xử lý thích hợp.
 - + Thực hiện việc tiêm phòng vắc xin cho đàn gia cầm theo lịch đã quy định.
 - + Khi điều trị bệnh, cần ghi chép thông tin đầy đủ về dịch bệnh, tên thuốc, liều lượng, lý do dùng, thời gian dùng, trọng lượng gia cầm, người tiêm, thời điểm ngưng thuốc. Không bán gia cầm trong thời gian trị bệnh và cách ly thuốc.
 - + Đối với những bệnh thông thường có thể xử lý được: cách ly ngay khu vực xảy ra dịch bệnh. Tăng cường phun thuốc sát trùng, vệ sinh chuồng trại và khu vực xung quanh.

+ Khi xác định là dịch bệnh nguy hiểm, bệnh lây sang người: phải báo cáo ngay và làm theo hướng dẫn trực tiếp của Ban chỉ huy phòng chống dịch hại vật nuôi tại địa phương. Tuân thủ chế độ cách ly, không tự ý đưa gia cầm ra khỏi khu vực có dịch. Cán bộ, công nhân làm việc trong khu vực có dịch phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của nhà nước về vùng có dịch.

7. Các nội dung thay đổi so với Kế hoạch bảo vệ môi trường đã cấp của Cơ sở

Công ty Cổ phần Ngọc Châu Phương được UBND huyện Hải Lăng cấp Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 1790/GXN-UBND ngày 20/12/2021 của dự án “Trang trại chăn nuôi gia cầm (vịt thịt) bằng đệm sinh học” tại thôn Long Hưng, xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị với quy Chăn nuôi vịt thịt: 10.000 con/lứa (45 ngày), Nuôi cá: 2.500 con/lứa (12 tháng). Tuy nhiên, trong quá trình triển khai xây dựng nhận thấy nuôi vịt thịt bằng đệm sinh học có chi phí xây dựng cao và mùi hôi từ phân vịt rất lớn, có khả năng gây ô nhiễm không khí khu vực xung quanh trang trại. Do đó, Công ty Cổ phần Ngọc Châu Phương xin chuyển từ dự án “Trang trại chăn nuôi gia cầm (vịt thịt) bằng đệm sinh học” sang dự án “Trang trại chăn nuôi gia cầm (gà thịt) bằng đệm sinh học” với quy mô Chăn nuôi gà thịt: 18.000 con/lứa (105 ngày), Nuôi cá: 2.500 con/lứa (12 tháng) và đã được UBND huyện Hải Lăng đồng ý tại Công văn số 1458/UBND-TH ngày 04/11/2022 của UBND huyện Hải Lăng về việc thay đổi loại hình dự án liên quan đến hồ sơ môi trường.

Dự án sau khi điều chỉnh loại hình chăn nuôi không làm thay đổi tính chất và không thay đổi các nội dung liên quan đến phương án bảo vệ môi trường theo Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được xác nhận.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn số 01: Nước thải chăn nuôi

- Nguồn phát sinh nước thải: Quá trình xịt rửa chuồng nuôi sau mỗi đợt nuôi (105 ngày/lần).

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: Nước thải từ quá trình xịt rửa chuồng nuôi phát sinh tối đa 1,44 m³/ngày.đêm (theo quy mô 18.000 con).

- Dòng nước thải: Lượng nước thải Quá trình xịt rửa chuồng nuôi sau mỗi đợt nuôi được thu gom vào hệ thống xử lý lắng lọc cơ học gồm 4 ngăn.

- Các chất ô nhiễm và giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng thải: Theo QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi tại mục 2.2. Quy định kỹ thuật đối với cơ sở chăn nuôi có tổng lượng nước thải nhỏ hơn 5 mét khối trên ngày (m³/ngày), trong đó đối với Cơ sở chăn nuôi có tổng lượng nước thải nhỏ hơn 2 m³/ngày phải có hệ thống thu gom và hệ thống lắng, ủ nước thải hợp vệ sinh (mục 2.2.1) không áp dụng giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải chăn nuôi sau khi qua hệ thống xử lý được Chủ cơ sở tận dụng để tưới cây trồng trong khuôn viên Trại.

1.2. Nguồn số 02: Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải từ quá trình sinh hoạt từ 2 CBCNV.

+ Nước thải từ nhà vệ sinh (nước thải đen) chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng và vi sinh vật..

+ Nước thải từ các hoạt động sinh hoạt khác như tắm rửa, vệ sinh chân tay của CBCNV (nước thải xám), với đặc trưng của loại nước thải này chứa dầu mỡ khoáng, chất tẩy rửa, cặn lơ lửng.

- Lưu lượng xả tối đa: 0,16 m³/ngày.đêm.

- Dòng nước thải:

+ Nước thải đen (từ khu vệ sinh) sau khi xử lý ở bể tự hoại sẽ được dẫn về bể lắng lọc 2 ngăn để tiếp tục xử lý.

+ Nước thải xám được dẫn về bể lắng lọc 2 ngăn để xử lý cùng với nước thải đen (đã xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn nêu trên) nước thải sinh hoạt sau xử lý sẽ tự thấm ra môi trường đất trong khuôn viên cơ sở.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: cụ thể ở bảng sau:

Bảng 4.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT
			Cột B, K=1,2
1	pH	-	5,5 - 9
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12
11	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000

* Ghi chú:

- Quy chuẩn 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ).
- K=1,2: áp dụng cho cơ sở sản xuất kinh doanh có dưới 500 người;
- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:
 - + Vị trí xả thải: Nằm ở khu nhà vệ sinh của trang trại.
 - + Tọa độ điểm xả thải là: X = 1.850.331m; Y= 600.465m (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰, KKT 106⁰15').
 - + Phương thức xả thải: tự chảy.
 - + Nguồn tiếp nhận: Nước thải sau khi xử lý ở bể tự hoại và bể lắng, lọc 2 ngăn sẽ thâm vào môi trường đất trong khuôn viên Cơ sở.

2. Nội dung cấp phép đối với khí thải

Quá trình hoạt động của trang trại chỉ phát sinh bụi, mùi hôi từ các nguồn phân tán như giao thông, mùi hôi từ chuồng nuôi. Các nguồn phát sinh này đều được giảm thiểu bằng các biện pháp quản lý nội vi như đề xuất tại chương III. Do đó, Cơ sở không có nguồn phát sinh khí thải đề nghị cấp phép.

3. Nội dung cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: Hoạt động của cơ sở chủ yếu phát sinh tiếng ồn từ phương tiện vận chuyển thức ăn, sản phẩm và tiếng ồn từ gà kêu.
- Giới hạn đối với tiếng ồn đảm bảo theo QCVN 26:2010/BTNMT (<70dBA).

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Năm 2024, cơ sở không tiến hành quan trắc môi trường tại cơ sở, do đó để đánh giá chất lượng hiện trạng môi trường khu vực, Chủ cơ sở đã phối hợp với Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Minh Hoàng tiến hành lấy mẫu không khí và nước mặt qua trong phạm vi cơ sở và khu vực lân cận. Kết quả cụ thể như sau:

1. Kết quả quan trắc môi trường không khí

- Vị trí lấy mẫu như sau:

Bảng 5.1. Mô tả vị trí lấy mẫu không khí và tiếng ồn

Ký hiệu	Vị trí	Tọa độ VN2000, KKT 106 ⁰ 15, múi chiếu 3°	
		X (m)	Y (m)
KK	Tại khu vực sản xuất của Trang trại	1850423	600485

- Chất lượng không khí và tiếng ồn thể hiện ở bảng sau:

Bảng 5.2. Kết quả đo đạc, phân tích môi trường không khí và tiếng ồn

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc	QCVN 05:2023/BTNMT (TB 1 giờ)
			K	
1	Độ ồn	dB(A)	61,8	70 ⁽¹⁾
2	Bụi lơ lửng	mg/m ³	0,137	0,3
3	NO ₂	mg/m ³	0,055	0,2
4	SO ₂	mg/m ³	0,069	0,35
5	CO	mg/m ³	3,07	30

Ghi chú: - Thời gian lấy mẫu: 03/10/2024;

- QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;

- ⁽¹⁾: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ).

Nhận xét: Kết quả quan trắc ở bảng 5.2 cho thấy, tất cả các thông số đánh giá hiện trạng chất lượng không khí và tiếng ồn tại thời điểm khảo sát đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

2. Kết quả quan trắc môi trường nước mặt

- Vị trí lấy mẫu như sau:

Bảng 5.3. Mô tả vị trí lấy mẫu nước mặt

Ký hiệu	Mô tả vị trí	Tọa độ VN 2000 KTT 105, múi chiếu 3°	
		X (m)	Y (m)
NM	Tại khe nước gần khu vực trang trại	1850299	600469

- Chất lượng môi trường nước mặt thể hiện ở bảng sau:

Bảng 5.4. Kết quả phân tích chất lượng môi trường nước mặt

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 08:2023/BTNMT (Mức B)
			NM	
1	pH	mg/L	7,05	6,0 – 8,5
2	BOD ₅	mg/L	4,01	≤ 6
3	COD	mg/L	10,57	≤ 15
4	TSS	mg/L	42,5	≤ 100
5	DO	mg/L	5,91	≥ 5,0

Ghi chú: - Thời gian lấy mẫu: 03/10/2024;

- QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt. (Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp).

Nhận xét: Qua kết quả phân tích tại bảng 5.4 cho thấy, tất cả các thông số đánh giá chất lượng nước mặt của khu vực khảo sát đều nằm trong giới hạn cho phép (Mức B) QCVN 08:2023/BTNMT.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Cơ sở không có công trình xử lý cần phải vận hành thử nghiệm.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Quan trắc định kỳ:

- Quan trắc nước thải: Cơ sở có lưu lượng thải < 200 m³/ngày đêm nên không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ hoặc tự động liên tục theo quy định tại Phụ lục XXVIII, ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: Cơ sở có lưu lượng thải < 50.000 m³/giờ nên không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ hoặc tự động liên tục theo quy định tại Phụ lục XXIX - Dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xả bụi, khí thải công nghiệp ra môi trường phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục, quan trắc định kỳ ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: Không

3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo đề xuất của chủ cơ sở

*** Giám sát chất thải rắn:**

- Kiểm tra, giám sát công tác quản lý CTR sinh hoạt từ Trang trại.
- Kiểm tra công tác quản lý CTR nguy hại;
- Thống kê khối lượng chất thải phát sinh, thu gom, lưu giữ và vận chuyển xử lý.

4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí thực hiện giám sát và lập báo cáo công tác BVMT: khoảng 5 triệu đồng/năm.

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo, không có các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Nhằm đảm bảo tốt công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở cam kết thực hiện như sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan như sau:

+ Tiêu chuẩn, Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 06:2009/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT; QCVN 02/2019/BYT; QCVN 26/2016/BYT; QCVN 24/2016/BYT; QCVN 19:2009/BTNMT.

+ QCVN 14:2008/BTNMT – QCKTQG về nước thải sinh hoạt.

+ QCVN 62-MT:2016/BTNMT – QCKTQG về nước thải chăn nuôi.

- Chủ cơ sở cam kết sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu trong quá trình hoạt động của cơ sở làm nảy sinh các tác động tiêu cực, gây thiệt hại đến tài sản, sức khỏe của nhân dân, gây ô nhiễm môi trường và các sự cố môi trường trong khu vực.

- Chủ cơ sở cam kết lập và gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hải Lăng trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo, thực hiện theo Điều 119, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 66, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Văn bản pháp lý liên quan đến cơ sở
- Hồ sơ đất;
- Bản vẽ thiết kế mặt bằng cơ sở;
- Bản sao giấy xác nhận đăng ký KHBVMT;
- Phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở.